TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2020/QĐST-HNGĐ	*Thạch Thành, ngày 09 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 47/2020//TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Bùi Văn H, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã HL, huyện YT, tỉnh Hòa Bình

Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn DT, xã TA, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/09/2014 tại UBND xã TA, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, hai bên chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên khi chung sống một nhà thì vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi cọ nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả anh H và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Bùi Tuyết N, sinh ngày 26/11/2014. Sau khi ly hôn, hai bên thống nhất giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn H tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Tuyết N, sinh ngày 26/11/2014. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn H tự nguyện nộp toàn bộ số tiền lệ phí việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2018/0002695 ngày 16/3/2020. Anh H đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã TA;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Minh